

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 11 năm 2024
hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu
và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia**

(Tiếp theo Công báo số 1467 + 1468)

MẪU SỐ 11A**HỒ SƠ MỜI THẦU GÓI THẦU
MƯỢN THIẾT BỊ Y TẾ QUA MẠNG
MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT
ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

Mẫu số 07 (webform trên Hệ thống)

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA, DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN
KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương III

Không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Có hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 08 (webform trên Hệ thống)**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày__ tháng__ đến ngày__ tháng__ (nhà thầu điền nội dung này)		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)		
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾	<i>(Hệ thống tự động tính)</i>		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

Mẫu số 09 (webform trên Hệ thống)**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP^(*)

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

STT	Danh mục thiết bị y tế mượn, hóa chất, vật tư xét nghiệm và các vật tư cần thiết đi kèm, dịch vụ đi kèm để thực hiện dịch vụ kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm lắp đặt thiết bị, giao hàng, hoàn thành dịch vụ	Ngày lắp đặt thiết bị, giao hàng, hoàn thành dịch vụ		Ngày lắp đặt thiết bị, giao hàng, hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu lắp đặt thiết bị, giao hàng, hoàn thành dịch vụ đối với trường hợp lắp đặt thiết bị, giao hàng, hoàn thành dịch vụ nhiều lần]</i>
					Ngày lắp đặt thiết bị, giao hàng, hoàn thành dịch vụ sớm nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu lắp đặt thiết bị, giao hàng, hoàn thành dịch vụ đối với trường hợp lắp đặt thiết bị, giao hàng, hoàn thành dịch vụ nhiều lần]</i>	Ngày lắp đặt thiết bị, giao hàng, hoàn thành dịch vụ muộn nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu lắp đặt thiết bị, giao hàng, hoàn thành dịch vụ đối với trường hợp lắp đặt thiết bị, giao hàng, hoàn thành dịch vụ nhiều lần]</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							

Ghi chú:

Cột (1) (2) (3) (4) (5) (6), (7): Hệ thống tự trích xuất.

Cột (8): Nhà thầu điền.

() Thiết bị y tế mượn, hóa chất, vật tư xét nghiệm và các vật tư cần thiết đi kèm, dịch vụ đi kèm để thực hiện dịch vụ kỹ thuật phải được lắp đặt, giao hàng, hoàn thành trong khoảng thời gian quy định trong E-HSMT. Nhà thầu đề xuất thời gian lắp đặt, giao hàng, hoàn thành sớm hơn ngày lắp đặt, giao hàng, hoàn thành sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại, trừ trường hợp yêu cầu kỹ thuật có quy định khác. Nhà thầu đề xuất thời gian lắp đặt, giao hàng, hoàn thành muộn hơn khoảng thời gian này thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.*

ĐỀ XUẤT VỀ THIẾT BỊ Y TẾ NHÀ THẦU CHO MƯỢN

STT	Danh mục thiết bị y tế cho mượn	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Thiết bị y tế cho mượn thứ 1								
2	Thiết bị y tế cho mượn thứ 2								
...									
n	Thiết bị y tế cho mượn thứ n								

Ghi chú:

- Cột (1), (2), (9), (10): Hệ thống tự trích xuất

- Cột (3), (4), (5), (6), (7), (8): Nhà thầu tự điền. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

Ví dụ: nhà thầu kê khai trong Mẫu này Ký mã hiệu: “theo đề xuất kỹ thuật”; nhãn hiệu: “theo E-HSDT”, xuất xứ: “theo đề xuất kỹ thuật” ... thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

Trường hợp hàng hóa không có ký mã hiệu thì nhà thầu ghi “không có” vào cột số (3). Trường hợp hãng sản xuất có ký mã hiệu nhưng nhà thầu ghi “không có” thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

STT	Danh mục dịch vụ kỹ thuật	Mô tả dịch vụ kỹ thuật	Quy cách đóng gói (*)		Khối lượng dịch vụ kỹ thuật mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá tính trên mỗi dịch vụ kỹ thuật	Thành tiền
			Số lượng dịch vụ kỹ thuật trong một đơn vị đóng gói	Nhà thầu phải liệt kê chi tiết trong 1 đơn vị đóng gói: 1. Loại hóa chất, vật tư xét nghiệm và các vật tư cần thiết đi kèm để thực hiện dịch vụ kỹ thuật 2. Số lượng từng loại hóa chất, vật tư xét nghiệm, ... nêu tại mục 1				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Các hạng mục							A=A1+A2+...
1	Xét nghiệm 1		10 xét nghiệm	- Hóa chất x 3 lọ - Găng tay: 1 đôi - ...	1.000	xét nghiệm	20	A1
2	Xét nghiệm 2							A2
...								
II	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh				b1%			B1 = b1% x A
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))								A + B1

Ghi chú:

* Đối với dung dịch hệ thống, dung dịch rửa, các dung dịch tiêu hao chung khác và các vật tư tương tự cho các xét nghiệm, thiết bị được sử dụng chung cho quá trình khởi động thiết bị, rửa định kỳ, bảo dưỡng thiết bị định kỳ.....: trường hợp không thể đóng gói theo quy cách đóng gói của hóa chất, vật tư xét nghiệm..., nhà thầu cần đảm bảo cung cấp không gián đoạn cho Chủ đầu tư mà không phải ghi quy cách đóng gói.

- Các cột từ (1), (2), (3), (6), (7): Hệ thống trích xuất.

- Cột (4), (5): Nhà thầu tự điền.

- Cột (8): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu tính cho mỗi dịch vụ kỹ thuật, bao gồm chi phí về mượn thiết bị y tế, chi phí hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư cần thiết đi kèm; dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, thay thế linh kiện; lắp đặt, đào tạo, hướng dẫn sử dụng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư cần thiết đi kèm phục vụ công tác thử nghiệm chất lượng dịch vụ kỹ thuật và hiệu chỉnh thiết bị; thiết bị dự phòng (nếu có); hóa chất, vật tư xét nghiệm mẫu và các chi phí liên quan khác để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

- Cột (9): Hệ thống tự tính.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

STT	Danh mục dịch vụ kỹ thuật	Mô tả dịch vụ kỹ thuật	Quy cách đóng gói (*)		Khối lượng dịch vụ kỹ thuật mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá tính trên mỗi dịch vụ kỹ thuật	Thành tiền
			Số lượng dịch vụ kỹ thuật trong một đơn vị đóng gói	Nhà thầu phải liệt kê chi tiết trong 1 đơn vị đóng gói: 1. Loại hóa chất, vật tư xét nghiệm và các vật tư cần thiết đi kèm để thực hiện dịch vụ kỹ thuật 2. Số lượng từng loại hóa chất, vật tư xét nghiệm, ... nêu tại mục 1				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Các hạng mục							A=A1+A2+...
1	Xét nghiệm 1		10 xét nghiệm	- Hóa chất x 3 lọ - Găng tay: 1 đôi - ...	1.000	xét nghiệm	20	A1
2	Xét nghiệm 2							A2
...								
II	Chi phí dự phòng (dự phòng khối lượng phát sinh, trượt giá)				b2%			B2 = b2% x A
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))								A + B2

Ghi chú:

* Đối với dung dịch hệ thống, dung dịch rửa, các dung dịch tiêu hao chung khác và các vật tư tương tự cho các xét nghiệm, thiết bị được sử dụng chung cho quá trình khởi động thiết bị, rửa định kỳ, bảo dưỡng thiết bị định kỳ: trường hợp không thể đóng gói theo quy cách đóng gói của hóa chất, vật tư xét nghiệm..., nhà thầu cần đảm bảo cung cấp không gián đoạn cho Chủ đầu tư mà không phải ghi quy cách đóng gói.

- Các cột từ (1), (2), (3), (6), (7): Hệ thống trích xuất.

- Cột (4), (5): Nhà thầu tự điền.

- Cột (8): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu tính cho mỗi dịch vụ kỹ thuật, bao gồm chi phí về mượn thiết bị y tế, chi phí hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư cần thiết đi kèm; dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, thay thế linh kiện; lắp đặt, đào tạo, hướng dẫn sử dụng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư cần thiết đi kèm phục vụ công tác thử nghiệm chất lượng dịch vụ kỹ thuật và hiệu chỉnh thiết bị; thiết bị dự phòng (nếu có); hóa chất, vật tư xét nghiệm mẫu và các chi phí liên quan khác để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

- Cột (9): Hệ thống tự tính.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)

I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định

STT	Danh mục dịch vụ kỹ thuật	Mô tả dịch vụ kỹ thuật	Quy cách đóng gói (*)		Khối lượng dịch vụ kỹ thuật mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá tính trên mỗi dịch vụ kỹ thuật	Thành tiền
			Số lượng dịch vụ kỹ thuật trong một đơn vị đóng gói	Nhà thầu phải liệt kê chi tiết trong 1 đơn vị đóng gói: 1. Loại hóa chất, vật tư xét nghiệm và các vật tư cần thiết đi kèm để thực hiện dịch vụ kỹ thuật 2. Số lượng từng loại hóa chất, vật tư xét nghiệm,... nêu tại mục 1				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Các hạng mục							A=A1+A2+...
1	Xét nghiệm 1		10 xét nghiệm	- Hóa chất x 3 lọ - Găng tay: 1 đôi - ...	1.000	xét nghiệm	20	A1
2	Xét nghiệm 2							A2
...								
II	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh				b1%			B1 = b1% x A
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))								X1=A+B1

II. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

STT	Danh mục dịch vụ kỹ thuật	Mô tả dịch vụ kỹ thuật	Quy cách đóng gói (*)		Khối lượng dịch vụ kỹ thuật mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá tính trên mỗi dịch vụ kỹ thuật	Thành tiền
			Số lượng dịch vụ kỹ thuật trong một đơn vị đóng gói	Nhà thầu phải liệt kê chi tiết trong 1 đơn vị đóng gói: 1. Loại hóa chất, vật tư xét nghiệm và các vật tư cần thiết đi kèm để thực hiện dịch vụ kỹ thuật 2. Số lượng từng loại hóa chất, vật tư xét nghiệm, ... nêu tại mục 1				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Các hạng mục							A=A1+A2+...
1	Xét nghiệm 1		10 xét nghiệm	- Hóa chất x 3 lọ - Găng tay: 1 đôi - ...	1.000	xét nghiệm	20	A1
2	Xét nghiệm 2							A2
...								
II	Chi phí dự phòng (dự phòng khối lượng phát sinh, trượt giá)				b2%			B2 = b2% x A
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))								X2 = A + B2

III. Tổng hợp giá dự thầu

STT	Các hạng mục	Thành tiền
I	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định	X1
II	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh	X2
	Tổng cộng (Trích xuất ra giá dự thầu)	X = X1 + X2

Ghi chú:

* Đối với dung dịch hệ thống, dung dịch rửa, các dung dịch tiêu hao chung khác và các vật tư tương tự cho các xét nghiệm, thiết bị được sử dụng chung cho quá trình khởi động thiết bị, rửa định kỳ, bảo dưỡng thiết bị định kỳ: trường hợp không thể đóng gói theo quy cách đóng gói của hóa chất, vật tư xét nghiệm..., nhà thầu cần đảm bảo cung cấp không gián đoạn cho Chủ đầu tư mà không phải ghi quy cách đóng gói.

- Các cột (1), (2), (3), (6), (7): Hệ thống trích xuất.

- Cột (4), (5): Nhà thầu tự điền.

- Cột (8): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu tính cho mỗi dịch vụ kỹ thuật, bao gồm chi phí về mượn thiết bị y tế, chi phí hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư cần thiết đi kèm; dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, thay thế linh kiện; lắp đặt, đào tạo, hướng dẫn sử dụng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư cần thiết đi kèm phục vụ công tác thử nghiệm chất lượng dịch vụ kỹ thuật và hiệu chỉnh thiết bị; thiết bị dự phòng (nếu có); hóa chất, vật tư xét nghiệm mẫu và các chi phí liên quan khác để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

- Cột (9): Hệ thống tự tính. Thành tiền (X1, X2) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

BẢNG KÊ KHAI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI

Nhà thầu chỉ được hưởng ưu đãi đối với các nội dung mà nhà thầu kê khai theo bảng dưới đây. Trường hợp nhà thầu không tích chọn thì không được hưởng ưu đãi về nội dung này.

STT	Tên hàng hóa	Xuất xứ <i>[ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, hãng sản xuất]</i>	Hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 30% trở lên		Hàng hóa của cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực	Hàng hóa là sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP mà sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong 6 năm gần đây	Kê khai chi phí trong nước	
			Tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50%	Tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước trên 50%			Theo Mẫu 12B	Theo Mẫu 12C
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hàng hóa thứ 1		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Hàng hóa thứ 2		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
...	...							
n	Hàng hóa thứ n		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú:

Cột (1), (2): Hệ thống tự động trích xuất thông tin về thiết bị y tế từ Mẫu số 10B, nhà thầu có thể bổ sung, chỉnh sửa thông tin về hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư cần thiết đi kèm...

Các cột (3), (4), (5), (6): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng với từng loại hàng hóa. (Trường hợp nhà thầu tích chọn vào cột (3) hoặc cột (4) thì Hệ thống cho phép nhà thầu chọn cột (5), (6), (7), (8)).

Cột (7), (8): Đối với hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 30% trở lên nhà thầu chọn cách kê khai chi phí sản xuất trong nước theo Mẫu số 12B (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại) hoặc Mẫu số 12C (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam).

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI
(trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)

STT	Tên hàng hóa	Giá xuất xưởng (giá EXW) của hàng hóa	Giá trị thuế các loại	Kê khai các chi phí nhập ngoại	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước
		(I)	(II)	(III)	$G^* = (I) - (II) - (III)$	$D(\%) = G^*/G$ Trong đó $G = (I) - (II)$
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Hàng hóa thứ 1					
2	Hàng hóa thứ 2					
...	...					
n	Hàng hóa thứ n					

Ghi chú:

- Cột (1): Hệ thống tự động trích xuất các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (7) của Mẫu số 12A.
- Các cột (2), (3), (4): Nhà thầu tự kê khai và chứng minh.
- Cột (5), (6): Hệ thống tự tính.

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI

(trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)

STT	Tên hàng hóa	Giá xuất xưởng (giá EXW) của hàng hóa (I)	Giá trị thuế các loại (II)	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước
				G*	D(%) = G*/G Trong đó G = (I) - (II)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Hàng hóa thứ 1				
2	Hàng hóa thứ 2				
...	...				
n	Hàng hóa thứ n				

Ghi chú:

- Cột (1) Hệ thống tự động trích xuất các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (8) của Mẫu số 12A.
- Các cột (2), (3), (4): Nhà thầu tự kê khai và chứng minh.
- Cột (5): Hệ thống tự tính.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ đi kèm để thực hiện dịch vụ kỹ thuật (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, không được nêu yêu cầu về tên, ký mã hiệu, nhãn hiệu cụ thể của hàng hóa.

Trường hợp không thể mô tả chi tiết hàng hóa theo đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ thì được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị E-HSDT mà không được quy định tương đương về xuất xứ.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

Mục này nêu thông tin tóm tắt về dự án/dự toán mua sắm và gói thầu như địa điểm thực hiện dự án/dự toán mua sắm, quy mô của dự án/dự toán mua sắm, thời gian thực hiện gói thầu, mô tả dịch vụ kỹ thuật mà Chủ đầu tư sẽ thực hiện và những thông tin khác tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

1.2.1. Yêu cầu về kỹ thuật chung

Yêu cầu về kỹ thuật chung là các yêu cầu về chủng loại, tiêu chuẩn hàng hóa và các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, điều kiện khí hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng. Tùy thuộc vào sự phức tạp của hàng hóa, các yêu cầu kỹ thuật chung được nêu cho tất cả các hàng hóa hoặc cho từng loại hàng hóa riêng biệt.

1.2.2. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể

Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể như tính năng, thông số kỹ thuật, các bản vẽ, catalô... được nêu cho từng loại hàng hóa (nếu áp dụng). Khi nêu yêu cầu, các thông số kỹ thuật có thể được mô tả dưới hình thức bảng biểu. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ đi kèm theo yêu cầu của gói thầu. Chủ đầu tư phải soạn thảo chi tiết phần Thông số kỹ thuật trên cơ sở xem xét đến những yếu tố sau:

- Thông số kỹ thuật bao gồm các tiêu chuẩn làm căn cứ cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu xác minh tính đáp ứng về mặt kỹ thuật và đánh giá E-HSĐT. Do đó, nếu thông số kỹ thuật được xác định đầy đủ, rõ ràng thì sẽ giúp nhà thầu chuẩn bị tốt E-HSĐT và có tính đáp ứng cao, đồng thời giúp Bên mời thầu nghiên cứu, đánh giá và so sánh các E-HSĐT.

- Thông số kỹ thuật phải đủ khái quát để tránh gây hạn chế liên quan đến các yêu cầu tay nghề và vật tư thiết bị thường được sử dụng để sản xuất các hàng hóa thuộc loại tương tự.

- Thông số kỹ thuật phải mô tả đầy đủ các yêu cầu liên quan và không giới hạn ở những điểm sau đây:

+ Các tiêu chuẩn về vật liệu, vật tư và tay nghề cần thiết để sản xuất chế tạo hàng hóa;

+ Các yêu cầu chi tiết về thử nghiệm (loại hình và số lần thử);

+ Các công việc bổ sung khác cần thiết để giao hàng/hoàn thành đầy đủ;

+ Các hoạt động cụ thể mà Nhà thầu sẽ phải thực hiện và sự tham gia của Chủ đầu tư;

+ Danh sách các yêu cầu bảo đảm chức năng vận hành cụ thể thuộc phạm vi bảo hành và quy định bồi thường thiệt hại nếu các yêu cầu bảo đảm nói trên không được thực hiện.

- Thông số kỹ thuật phải nêu rõ tất cả các đặc tính và yêu cầu về công năng và kỹ thuật, bao gồm các giá trị tối đa và tối thiểu được bảo đảm hoặc được chấp nhận, tùy theo trường hợp. Nếu cần, Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải cung cấp thêm biểu mẫu để Nhà thầu cung cấp các thông tin chi tiết về các đặc tính công năng và kỹ thuật của hàng hóa so với các giá trị được bảo đảm hoặc được chấp nhận.

a) Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị y tế mượn:

- Yêu cầu về thông số kỹ thuật của thiết bị y tế mượn để thực hiện được số lượng dịch vụ kỹ thuật như công suất, tình trạng, tiêu chuẩn chất lượng, công nghệ, phương pháp, khả năng đáp ứng danh mục xét nghiệm mời thầu, lưu trữ thông tin, khả năng kết nối...;

- Yêu cầu đối với phần mềm vận hành, thiết bị, linh kiện, phụ kiện,... cần thiết để đảm bảo việc vận hành liên tục, ổn định, chính xác của thiết bị y tế trong thời gian thực hiện hợp đồng;

- Yêu cầu về việc hiệu chuẩn, hiệu chỉnh thiết bị;

- Yêu cầu về kỹ thuật đối với các thiết bị đi kèm cần thiết và phù hợp để thực hiện hoàn chỉnh dịch vụ kỹ thuật (như UPS, đầu đọc mã vạch, máy in, giấy, hệ thống làm sạch nước...);

- Yêu cầu về thiết bị dự phòng, việc bố trí thiết bị dự phòng tại cơ sở y tế (nếu cần thiết);

- Yêu cầu về việc tháo dỡ, thu hồi thiết bị hay phương án xử lý thiết bị khi kết thúc hợp đồng (nếu cần thiết).

b) Yêu cầu cụ thể đối với hóa chất, vật tư xét nghiệm và các vật tư cần thiết đi kèm để thực hiện dịch vụ kỹ thuật:

- Yêu cầu đối với hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư cần thiết đi kèm phục vụ công tác thử nghiệm chất lượng dịch vụ kỹ thuật và hiệu chỉnh thiết bị; Yêu cầu về thời hạn sử dụng của hóa chất, vật tư xét nghiệm, bao gồm quy định về việc thay thế các hóa chất, vật tư xét nghiệm không đảm bảo về thời hạn sử dụng;

- Yêu cầu nhà thầu thay thế miễn phí hóa chất, vật tư,... trong trường hợp do chất lượng của hóa chất, vật tư không đảm bảo dẫn đến kết quả của dịch vụ kỹ thuật không rõ ràng, không chính xác và phải thực hiện lại

- Yêu cầu đối với nhà thầu về việc lưu kho, lưu trữ hóa chất, vật tư xét nghiệm để đảm bảo dịch vụ kỹ thuật được thực hiện liên tục, không bị gián đoạn;

- Yêu cầu về tính năng kỹ thuật chung đối với hóa chất, vật tư xét nghiệm.

c) Yêu cầu cụ thể đối với dịch vụ đi kèm

Yêu cầu đối với dịch vụ đi kèm nêu tại Chương IV và Chương này

- Yêu cầu về lắp đặt, chạy thử, đào tạo, hướng dẫn sử dụng (bao gồm cả việc yêu cầu nhà thầu phải cung cấp miễn phí vật tư, hóa chất, linh kiện... cần thiết để phục vụ việc lắp đặt, chạy thử, đào tạo, chuyển giao công nghệ cho nhân sự của Chủ đầu tư);

- Yêu cầu về nâng cấp, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị, vật tư, linh kiện và phần mềm miễn phí trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng;

- Yêu cầu về thời gian tối đa để nhà thầu xử lý sự cố và cách thức tránh gián đoạn dịch vụ kỹ thuật (ví dụ: trong vòng 12 giờ kể từ khi Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu xử lý, trường hợp trong phạm vi cung cấp không có yêu cầu về thiết bị dự phòng và nhà thầu không kịp xử lý sự cố, nhà thầu phải ngay lập tức cung cấp thiết bị dự phòng. Trường hợp Nhà thầu không cung cấp kịp thiết bị dự phòng thì trong vòng 02 ngày Chủ đầu tư sẽ xử lý theo Mục 24 E-ĐKC của Hợp đồng).

d) Tiến độ giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ theo yêu cầu tại các Mẫu số 01.1, 01.2 và 01.3 Chương IV.

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đi kèm. Hàng hóa, dịch vụ đi kèm phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ đi kèm	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
<i>[ghi số hiệu hạng mục]</i>	<i>[ghi tên]</i>	<i>[ghi thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn]</i>

Thông số kỹ thuật chi tiết và các tiêu chuẩn chi tiết (khi cần thiết).

[Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật]

1.3. Các yêu cầu khác

- Các yêu cầu khác về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về phương thức thanh toán, yêu cầu về cung cấp tài chính (nếu có). Các yêu cầu này phải được nêu chi tiết để nhà thầu chuẩn bị E-HSMT.

- Đấu thầu bền vững: có thể đưa ra yêu cầu về hàng hóa thân thiện môi trường, xã hội, sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận nhãn sinh thái, nhãn năng lượng và tương đương (nếu có) như: tiết kiệm năng lượng hoặc tiết kiệm nước khi sử dụng, khí thải ít độc hại, không có chất độc hại, phá hủy môi trường; hàng hóa sản xuất không vi phạm trách nhiệm xã hội hoặc từ nguồn nguyên liệu bền vững, hữu cơ, vật liệu tái chế; sử dụng vật liệu xanh để đóng gói hàng hóa; tiết kiệm nhiên liệu, giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, sử dụng container có thể tái sử dụng để vận chuyển hàng hóa; mức độ xả thải, rác thải, ô nhiễm môi trường, giảm thiểu tác động môi trường và cộng đồng xung quanh; cam kết thu hồi hoặc tái chế khi hàng hóa hết sử dụng...

- Tùy theo từng gói thầu có thể yêu cầu nhà thầu chào phương án thay thế ngoài phương án chính theo yêu cầu của E-HSMT, trong đó cần quy định rõ phương án thay thế của nhà thầu chỉ được xem xét trong quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng khi nhà thầu được đề xuất trúng thầu theo phương án chính hoặc quy định trong trường hợp kết quả đánh giá các E-HSMT theo phương án chính không có nhà thầu nào đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì mới xem xét phương án thay thế của các nhà thầu.

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây [trường hợp không có bản vẽ kèm theo thì phải ghi rõ “Không có bản vẽ”]:

Danh mục bản vẽ		
Bản vẽ số	Tên bản vẽ	Mục đích sử dụng

Trường hợp có bản vẽ thì phải đính kèm theo bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: _____ [ghi danh sách các kiểm tra và thử nghiệm].

Phần 3A. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG**Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG**

1. Định nghĩa	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu để tham gia thực hiện dịch vụ đi kèm;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ đi kèm. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Hàng hóa” gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại;</p> <p>1.9. “Dịch vụ đi kèm” bao gồm các dịch vụ như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ đi kèm khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...;</p> <p>1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ đi kèm theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p>
----------------------	---

	<p>1.11. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.12. “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p>
<p>2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên</p>	<p>2.1. Tất cả các tài liệu quy định tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Văn bản Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có); c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng; d) E-ĐKC của hợp đồng; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; e) Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng; g) E-HSĐT và các tài liệu làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu; h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT. <p>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 của Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Văn bản hợp đồng; b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu; c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có); d) Tài liệu khác (nếu có).

3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Thông báo	<p>4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại E-ĐKCT. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin.</p> <p>4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	<p>5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi hoặc nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Chủ đầu tư đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu;b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại E-ĐKCT.</p>

	<p>5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
6. Ký hợp đồng thầu phụ	<p>6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ để thực hiện dịch vụ đi kèm nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của Nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của Nhà thầu.</p> <p>6.2. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ.</p>
7. Giải quyết tranh chấp	<p>7.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>7.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại E-ĐKCT.</p>
8. Phạm vi cung cấp	Hàng hóa và dịch vụ đi kèm phải được cung cấp theo quy định tại Chương V.
9. Tiến độ lắp đặt thiết bị, giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ đi kèm và tài liệu chứng từ	Tiến độ lắp đặt thiết bị, giao hàng và lịch hoàn thành các dịch vụ đi kèm phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 01.1 (đối với hợp đồng theo đơn giá cố định) hoặc Mẫu số 01.2 (đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh) hoặc Mẫu số 01.3 (đối với hợp đồng hỗn hợp) Chương IV. Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn, chứng từ tài liệu khác theo quy định tại E-ĐKCT .

10. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và dịch vụ đi kèm trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 8 E-ĐKC và theo tiến độ lắp đặt thiết bị, giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ đi kèm quy định tại Mục 9 E-ĐKC.
11. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	<p>11.1. Loại hợp đồng: theo quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>11.2. Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện dịch vụ kỹ thuật bao gồm chi phí về mượn thiết bị y tế, chi phí hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư cần thiết đi kèm; dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, thay thế linh kiện; lắp đặt, đào tạo, hướng dẫn sử dụng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư cần thiết đi kèm phục vụ công tác thử nghiệm chất lượng dịch vụ kỹ thuật và hiệu chỉnh thiết bị; thiết bị dự phòng (nếu có); hóa chất, vật tư xét nghiệm mẫu và các chi phí liên quan khác để thực hiện gói thầu theo phạm vi cung cấp nêu tại Chương IV.</p>
12. Thuế, phí, lệ phí	<p>12.1. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho Chủ đầu tư.</p> <p>12.2. Trường hợp Nhà thầu thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, Chủ đầu tư tạo điều kiện tối đa cho Nhà thầu áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí.</p> <p>12.3. Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
13. Tạm ứng	<p>13.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại E-ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>13.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư.</p>

<p>14. Thanh toán</p>	<p>14.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn nêu rõ số lượng dịch vụ kỹ thuật được Chủ đầu tư thống nhất theo quy định tại Mục 14.3 E-ĐKC cùng với chứng từ nộp theo quy định tại Mục 9 E-ĐKC và gửi yêu cầu thanh toán khi đã hoàn thành các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng.</p> <p>14.2. Nhà thầu không được thanh toán đối với những dịch vụ kỹ thuật phải làm lại do lỗi của thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư cần thiết đi kèm, dịch vụ đi kèm để thực hiện dịch vụ kỹ thuật mà không phải do lỗi của nhân công vận hành của Chủ đầu tư, không phải lỗi của Chủ đầu tư và phải chịu mọi chi phí đối với những dịch vụ phải làm lại này.</p> <p>14.3. Định kỳ theo quy định tại E-ĐKCT, nhà thầu gửi yêu cầu thanh toán trên cơ sở số lượng dịch vụ kỹ thuật được Chủ đầu tư thống nhất. Chủ đầu tư thống nhất số lượng dịch vụ kỹ thuật sẽ thanh toán cho Nhà thầu căn cứ số lượng dịch vụ kỹ thuật mà Chủ đầu tư đã đặt hàng cho Nhà thầu trừ đi số lượng dịch vụ kỹ thuật không được thanh toán nêu tại Mục 14.2 E-ĐKC.</p> <p>14.4. Phương thức thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>14.5. Đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<p>15. Quyền tác giả</p>	<p>Quyền tác giả đối với tất cả các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ chứa đựng thông tin và dữ liệu mà Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư vẫn thuộc về Nhà thầu. Trường hợp các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ đó được cung cấp cho Chủ đầu tư một cách trực tiếp hoặc thông qua Nhà thầu bởi một bên thứ ba thì quyền tác giả đối với các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ thuộc về bên thứ ba đó.</p>
<p>16. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</p>	<p>16.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu</p>

không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.

16.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.

16.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 16.1 và Mục 16.2 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:

- a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;
- b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;
- c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;
- d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.

16.4. Các quy định tại Mục 16 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

16.5. Các quy định tại Mục 16 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.

<p>17. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn</p>	<p>Hàng hóa và các dịch vụ đi kèm được cung cấp theo hợp đồng sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn quy định tại Chương V; nếu tại Chương V không quy định đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.</p>
<p>18. Đóng gói hàng hóa</p>	<p>18.1. Nhà thầu phải đóng gói hóa chất, vật tư xét nghiệm và các vật tư cần thiết đi kèm theo đơn vị đóng gói tương ứng với số lượng dịch vụ kỹ thuật nêu tại Mẫu số 01.1 (đối với hợp đồng theo đơn giá cố định) hoặc Mẫu số 01.2 (đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh) hoặc Mẫu số 01.3 (đối với hợp đồng hỗn hợp) Chương IV.</p> <p>18.2. Thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm và các vật tư cần thiết đi kèm phải được đóng gói, bảo quản đúng yêu cầu nhằm tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm dự án theo quy định trong hợp đồng. Trong quá trình vận chuyển, bao gói hàng hóa phải đủ chắc chắn để chịu được những va chạm mạnh, nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, trong nước mặn, nước mưa và ở ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm dự án.</p> <p>18.3. Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể trong hợp đồng, bao gồm cả các yêu cầu (nếu có) quy định tại E-ĐKCT và các chỉ dẫn khác của Chủ đầu tư.</p>
<p>19. Bảo hiểm</p>	<p>Trừ trường hợp có quy định khác tại E-ĐKCT, hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ cho các tổn thất, hư hại có thể xảy ra trong quá trình sản xuất hoặc tiếp nhận, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo quy định tại E-ĐKCT.</p>

<p>20. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh</p>	<p>20.1. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>20.2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp các dịch vụ theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>21. Kiểm tra và thử nghiệm thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm và các vật tư cần thiết đi kèm, dịch vụ đi kèm để thực hiện dịch vụ kỹ thuật</p>	<p>21.1. Nhà thầu phải tiến hành tất cả các thử nghiệm, kiểm tra đối với thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm và các vật tư cần thiết đi kèm, dịch vụ đi kèm để thực hiện dịch vụ kỹ thuật theo quy định tại E-ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm, kiểm tra. Nhà thầu phải cung cấp miễn phí mẫu để thử nghiệm ban đầu và mẫu để thử nghiệm cho mỗi lần hiệu chỉnh thiết bị.</p> <p>21.2. Việc kiểm tra và thử nghiệm có thể được tiến hành tại cơ sở của Nhà thầu hoặc cơ sở khác ở địa điểm giao hàng, và/hoặc địa điểm dự án hoặc ở bất kỳ địa điểm nào khác theo quy định tại E-ĐKCT. Theo quy định tại Mục 21.3 E-ĐKC, trường hợp tiến hành tại cơ sở của Nhà thầu hoặc cơ sở khác thì cán bộ kiểm tra phải được cung cấp tất cả phương tiện và hỗ trợ cần thiết, kể cả việc tiếp cận bản vẽ và dữ liệu sản xuất; Chủ đầu tư không phải chịu bất kỳ chi phí nào cho các phương tiện và hỗ trợ này.</p> <p>21.3. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra quy định tại Mục 21.2 E-ĐKC, với điều kiện là Chủ đầu tư chịu tất cả các chi phí phát sinh liên quan đến việc tham dự, bao gồm cả chi phí đi lại, lưu trú.</p> <p>21.4. Trước khi tiến hành kiểm tra, thử nghiệm, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư về địa điểm và thời gian tiến hành kiểm tra, thử nghiệm. Trường hợp phải được sự chấp thuận của bên thứ ba hoặc nhà sản xuất để Chủ đầu tư tham gia kiểm tra, thử nghiệm, Nhà thầu phải có văn bản đồng ý của các bên liên quan này.</p>

	<p>21.5. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu tiến hành thử nghiệm, kiểm tra ngoài hợp đồng nhưng cần thiết để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật, hiệu suất đáp ứng yêu cầu của hợp đồng, với điều kiện là các chi phí hợp lý để tiến hành thử nghiệm, kiểm tra đó được cộng thêm vào giá hợp đồng. Trường hợp thử nghiệm, kiểm tra làm chậm tiến độ sản xuất và/hoặc tiến độ thực hiện các nghĩa vụ khác của Nhà thầu theo hợp đồng, Chủ đầu tư xem xét điều chỉnh ngày lắp đặt thiết bị, giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ đi kèm và các nghĩa vụ khác bị ảnh hưởng.</p> <p>21.6. Nhà thầu phải gửi cho Chủ đầu tư báo cáo kết quả của tất cả các thử nghiệm, kiểm tra.</p> <p>21.7. Chủ đầu tư có quyền từ chối bất kỳ hàng hóa, bộ phận hàng hóa nào không đáp ứng yêu cầu trong các buổi kiểm tra, thử nghiệm hoặc không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng. Nhà thầu phải thay thế bằng hàng hóa, bộ phận hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để phù hợp với các đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng và phải chịu tất cả chi phí liên quan đến việc thay thế hoặc điều chỉnh này. Sau đó Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra, thử nghiệm lại và chịu tất cả chi phí phát sinh, đồng thời thông báo cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 21.4 E-ĐKC.</p> <p>21.8. Việc Nhà thầu thực hiện thử nghiệm, kiểm tra hàng hóa, bộ phận hàng hóa, việc Chủ đầu tư hay đại diện của Chủ đầu tư tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra, hay việc báo cáo kết quả thử nghiệm, kiểm tra theo quy định tại Mục 21.6 E-ĐKC, không miễn trừ cho Nhà thầu nghĩa vụ bảo hành hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.</p>
<p>22. Đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng</p>	<p>Việc đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng được thực hiện theo E-ĐKCT</p>

23. Phạt và bồi thường thiệt hại	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT .
24. Bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng, xử lý sự cố	<p>24.1. Nhà thầu bảo đảm cung cấp hàng hóa đảm bảo chất lượng theo đúng đề xuất đã nêu.</p> <p>24.2. Nhà thầu bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Nhà thầu hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam.</p> <p>24.3. Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng hàng hóa trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Yêu cầu về bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng đối với hàng hóa quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>24.4. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó.</p> <p>24.5. Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn quy định tại E-ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế.</p> <p>24.6. Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa, thay thế hàng hóa bị khiếm khuyết trong thời hạn quy định tại E-ĐKCT và không có giải pháp thay thế được Chủ đầu tư chấp nhận, Chủ đầu tư có thể tự thực hiện các dịch vụ kỹ thuật từ cơ sở xét nghiệm khác đảm bảo chất lượng (nếu cần thiết) và Nhà thầu phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan đến việc xét nghiệm bên ngoài này, tính từ thời điểm đến hạn Nhà thầu phải thực hiện sửa chữa, thay thế hàng hóa bị khiếm khuyết đến thời điểm hoàn thành việc sửa chữa, thay thế hàng hóa bị khiếm khuyết; nhà thầu chỉ được thanh toán đối với các dịch vụ kỹ thuật này theo đơn giá trong hợp đồng. Việc Chủ đầu tư thuê cơ sở xét nghiệm thực</p>

	<p>hiện các dịch vụ kỹ thuật không ảnh hưởng đến các quyền khác của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu theo hợp đồng. Trường hợp Nhà thầu không tiến hành sửa chữa, thay thế thiết bị y tế mượn hoặc không chấp thuận thanh toán đối với dịch vụ kỹ thuật được xét nghiệm từ cơ sở khác thì Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng do lỗi của Nhà thầu.</p>
<p>25. Bồi thường vi phạm sáng chế</p>	<p>25.1. Với điều kiện là Chủ đầu tư tuân thủ Mục 25.2 E-ĐKC, Nhà thầu có nghĩa vụ bồi thường, bảo đảm Chủ đầu tư và nhân sự của Chủ đầu tư không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó liên quan tới:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Việc lắp đặt hàng hóa do Nhà thầu thực hiện hoặc việc sử dụng hàng hóa tại Việt Nam; b) Việc bán các sản phẩm được sản xuất từ hàng hóa. <p>Việc bồi thường nêu trên không áp dụng đối với các trường hợp sau: sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa ngoài mục đích nêu trong hợp đồng hoặc phát sinh hợp lý từ hợp đồng; có hành vi vi phạm do sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa, hay bất kỳ sản phẩm nào được sản xuất từ hàng hóa có sự kết hợp các thiết bị, nhà xưởng hoặc vật tư khác không phải do Nhà thầu cung cấp theo hợp đồng.</p> <p>25.2. Trường hợp xảy ra kiện tụng hoặc khiếu nại đối với Chủ đầu tư liên quan tới các vấn đề quy định tại Mục 25.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho Nhà thầu. Nhà thầu có thể nhân danh Chủ đầu tư giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó hoặc thương thảo để giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó và chịu trách nhiệm đối với các chi phí liên quan.</p>

	<p>25.3. Trong vòng 28 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, trường hợp Nhà thầu không thông báo cho Chủ đầu tư về ý định giải quyết kiện tụng hay khiếu nại đó, Chủ đầu tư sẽ tự giải quyết.</p> <p>25.4. Trường hợp được yêu cầu, Chủ đầu tư hỗ trợ Nhà thầu giải quyết vụ kiện tụng hay khiếu nại đó và sẽ được Nhà thầu hoàn trả mọi chi phí hợp lý phát sinh.</p> <p>25.5. Chủ đầu tư có nghĩa vụ bồi thường, đảm bảo Nhà thầu, nhà thầu phụ, nhân sự của Nhà thầu không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ thiết kế, dữ liệu, bản vẽ, thông số kỹ thuật hoặc các tài liệu và hồ sơ nào được cung cấp hoặc thiết kế bởi Chủ đầu tư hoặc thay mặt Chủ đầu tư.</p>
<p>26. Thay đổi liên quan đến pháp lý</p>	<p>Trừ trường hợp có quy định khác tại hợp đồng, kể từ 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu trở về sau, nếu có bất kỳ chính sách nào được ban hành, thay thế, sửa đổi hoặc tuyên bố hết hiệu lực tại Việt Nam gây ảnh hưởng đến ngày giao hàng và/hoặc giá hợp đồng thì ngày giao hàng hoặc giá hợp đồng phải được điều chỉnh tương ứng với mức độ ảnh hưởng của Nhà thầu khi thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng. Phần tăng hoặc giảm giá hợp đồng không được thanh toán riêng hay ghi nhận khoản phải trả riêng nếu việc tăng hoặc giảm giá hợp đồng này đã được quy định tại Mục 11 E-ĐKC.</p>
<p>27. Bất khả kháng</p>	<p>27.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.</p>

27.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

27.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

27.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

27.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

28. Sửa đổi hợp đồng	<p>28.1. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng được đặt hàng sản xuất cho riêng Chủ đầu tư;b) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;c) Thay đổi địa điểm giao hàng;d) Thay đổi dịch vụ đi kèm. <p>đ) Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC.</p> <p>28.2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại Mục 28.1 E-ĐKC làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày lắp đặt thiết bị, giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ đi kèm phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi hợp đồng. Yêu cầu của Nhà thầu về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày lắp đặt thiết bị, giao hàng hoặc ngày hoàn thành phải được tiến hành trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng.</p> <p>28.3. Trường hợp Nhà thầu cung cấp hàng hóa với phiên bản mới của cùng hãng sản xuất, có cùng xuất xứ, có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số... tương đương hoặc tốt hơn phiên bản hàng hóa Nhà thầu đề xuất trong E-HSDT và đáp ứng yêu cầu E-HSMT thì Nhà thầu phải thông báo trước bằng văn bản cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư xem xét. Trong trường hợp này, căn cứ nhu cầu sử dụng, Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu với điều kiện là đơn giá và các điều kiện khác của hợp đồng không thay đổi.</p>
-----------------------------	--

28.4. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng.

28.5. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

- a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết;
- b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư trong trường hợp chấp thuận đề xuất của Nhà thầu;
- c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng.

28.6. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây mà không làm ảnh hưởng đến các chức năng cần thiết của hàng hóa:

- a) Rút ngắn thời gian giao hàng;
- b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư;
- c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoặc tính bền vững của hàng hóa trong hợp đồng;
- d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư.

Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại **E-ĐKCT** đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng.

Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.

29. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	<p>29.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở Nhà thầu hoặc nhà thầu phụ trong việc cung cấp hàng hóa và lịch thực hiện các dịch vụ đi kèm quy định tại Mục 9 E-ĐKC, Nhà thầu phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư về việc chậm tiến độ, nguyên nhân, khoảng thời gian chậm tiến độ. Trên cơ sở thông báo của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải nhanh chóng đánh giá tình hình và có thể xem xét gia hạn hợp đồng. Trường hợp Chủ đầu tư đồng ý gia hạn, các bên tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>29.2. Trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Mục 27 E-ĐKC, Nhà thầu giao hàng chậm hoặc hoàn thành dịch vụ đi kèm chậm có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 23 E-ĐKC.</p>
30. Chấm dứt hợp đồng	<p>30.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm</p> <p>a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Nhà thầu không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng, hoặc trong thời gian gia hạn theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC;</p> <p>(ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;</p> <p>(iii) Chủ đầu tư xác định Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng theo điểm a khoản này, Chủ đầu tư có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ đi kèm tương tự như các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương</p>

	<p>thức phù hợp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư các chi phí phụ trội phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p> <p>30.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán</p> <p>Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.</p>
31. Hạn chế xuất khẩu	<p>Trường hợp quốc gia, vùng lãnh thổ cung cấp hàng hóa, dịch vụ có các quy định thương mại dẫn tới việc hạn chế xuất khẩu, gây khó khăn cho Nhà thầu trong việc thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng, Nhà thầu không bắt buộc phải hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, thực hiện dịch vụ với điều kiện là Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư các tài liệu chứng minh việc đã hoàn thành tất cả các thủ tục xuất khẩu cần thiết, bao gồm cả xin giấy phép hoặc ủy quyền để xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu.</p>

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Chủ đầu tư và đại diện ủy quyền (nếu có)].
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].

E-ĐKC 1.11	Địa điểm dự án: ___ [<i>ghi tên và thông tin chi tiết về địa điểm</i>].
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: ___ [<i>liệt kê tài liệu</i>].
E-ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: - Người nhận: ___ [<i>ghi tên đầy đủ của người nhận, nếu có</i>]. - Địa chỉ: ___ [<i>ghi đầy đủ địa chỉ</i>]. - Điện thoại: ___ [<i>ghi số điện thoại, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố</i>]. - Fax: ___ [<i>ghi số fax, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố</i>]. - Địa chỉ email: ___ [<i>ghi địa chỉ email (nếu có)</i>].
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: ___ % giá hợp đồng [<i>ghi giá trị cụ thể căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, từ 2% đến 10% giá hợp đồng</i>]. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ___ [<i>căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định</i>].
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: ___ [<i>ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng sau khi Nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng, căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu</i>].
E-ĐKC 7.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: ___ [<i>ghi số ngày tiến hành hòa giải tối đa</i>]. Giải quyết tranh chấp: ___ [<i>ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp (tòa án, trọng tài), chi phí cho việc giải quyết tranh chấp...]</i>].

E-ĐKC 9	<p>Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ, tài liệu sau đây:___ [ghi tên các tài liệu, chứng từ cần có, ví dụ: hóa đơn giá trị gia tăng, chứng từ vận tải, giấy chứng nhận bảo hành của Nhà thầu hoặc nhà sản xuất, chứng nhận kiểm định của cơ quan kiểm định, danh mục hàng hóa đóng gói, giấy chứng nhận xuất xứ, giấy chứng nhận chất lượng... trong đó nêu rõ các chứng từ chỉ cần cung cấp một lần trong quá trình thực hiện hợp đồng cho tất cả các đợt giao hàng (ví dụ giấy chứng nhận bảo hành...)].</p> <p>Chủ đầu tư phải nhận được các hóa đơn và chứng từ, tài liệu nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định hoặc tại thời điểm bàn giao hàng hóa, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.</p>
E-ĐKC 11.1	<p>Loại hợp đồng:___ [ghi loại hợp đồng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt].</p>
E-ĐKC 11.2	<p>Giá hợp đồng:___ [ghi “Cố định” đối với hợp đồng theo đơn giá cố định hoặc “được trượt giá” đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh phù hợp với loại hợp đồng quy định tại Mục 11.1 E-ĐKCT].</p> <p>Trường hợp hợp đồng có quy định về trượt giá thì trượt giá hợp đồng được thực hiện bằng cách điều chỉnh đơn giá hoặc tính trượt giá của hợp đồng như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc điều chỉnh đơn giá được thực hiện từ thời điểm phát sinh yếu tố làm thay đổi giá và chỉ áp dụng đối với khối lượng được thực hiện theo đúng tiến độ ghi trong hợp đồng hoặc tiến độ được điều chỉnh theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC. Không điều chỉnh đơn giá cho các khối lượng công việc trong hợp đồng tương ứng với số tiền đã tạm ứng hợp đồng; - Giá hợp đồng sẽ được tính trượt giá trong thời gian thực hiện gói thầu nhằm phản ánh những thay đổi về chi phí nhân công và vật tư. Việc tính trượt giá sẽ được thực hiện theo công thức cụ thể_____ [nêu rõ công thức tính trượt giá].

[Ví dụ về công thức tính trượt giá:

$$P_1 = P_0[a + \frac{bL_1}{L_0} + \frac{cM_1}{M_0}] - P_0$$

$$a + b + c = 1$$

Trong đó:

P_1 = Giá phải trả cho Nhà thầu sau khi tính trượt giá

P_0 = Giá hợp đồng (giá cơ bản)

a = Yếu tố cố định thể hiện lợi nhuận và phí quản lý chung được gộp vào trong giá hợp đồng, thông thường trong khoảng từ 5% đến 15%

b = Ước tính tỷ lệ của chi phí lao động (nhân công) trong giá hợp đồng

c = Ước tính tỷ lệ của chi phí vật tư trong giá hợp đồng

L_0, L_1 = Lần lượt là chỉ số giá nhân công áp dụng cho ngành sản xuất hàng hóa tại nước xuất xứ của hàng hóa vào ngày cơ bản và ngày trượt giá

M_0, M_1 = Lần lượt là chỉ số giá vật tư vào ngày cơ bản và ngày trượt giá tại nước xuất xứ của hàng hóa

Trong E-HSDT, Nhà thầu phải ghi rõ nguồn trích dẫn các chỉ số đó, nguồn thông tin tỷ giá (nếu phù hợp) và giá trị các chỉ số vào ngày cơ bản.

Các hệ số a , b , và c sẽ do Chủ đầu tư xác định như sau:

a = [ghi giá trị hệ số]

b = [ghi giá trị hệ số]

c = [ghi giá trị hệ số]

Ngày cơ bản = 28 ngày trước thời điểm đóng thầu.

Ngày trượt giá = [ghi số tuần] tuần trước ngày giao hàng lên tàu (thường tương ứng với thời điểm khi quá trình sản xuất đã hoàn thành một nửa).

	<p><i>Điều kiện thực hiện trượt giá:</i></p> <p>(i) <i>Không được phép tính trượt giá ngoài thời hạn giao hàng gốc. Thông thường, trượt giá không được áp dụng cho khoảng thời gian chậm trễ mà Nhà thầu phải chịu toàn bộ trách nhiệm.</i></p> <p>(ii) <i>Nếu đồng tiền thể hiện giá hợp đồng P_0 không phải là đồng tiền ghi chỉ số giá nhân công và vật tư thì sẽ áp dụng một hệ số quy đổi để tránh sai sót khi tính trượt giá hợp đồng. Hệ số quy đổi được tính như sau:</i></p> $Z = Z_0/Z_1$ <p><i>Trong đó:</i></p> <p>Z_0 = <i>Số đơn vị đồng tiền ghi các chỉ số đó tương đương một đồng tiền thể hiện giá hợp đồng P_0 vào ngày cơ bản;</i></p> <p>Z_1 = <i>Số đơn vị đồng tiền ghi các chỉ số đó tương đương một đồng tiền thể hiện giá hợp đồng P_0 vào ngày trượt giá.</i></p> <p>(iii) <i>Số tiền tương ứng với khoản thanh toán tạm ứng cho Nhà thầu sẽ không được tính trượt giá].</i></p>
E-ĐKC 12.3	<p><i>Điều chỉnh thuế:___ [ghi “Được phép” hoặc “Không được phép”. Trường hợp được phép áp dụng điều chỉnh thuế thì ghi: “Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”].</i></p>
E-ĐKC 13.1	<p><i>Tạm ứng:___ [ghi số tiền tạm ứng, các chứng từ để tạm ứng, phương thức tạm ứng... phù hợp quy định của pháp luật. Nhà thầu xuất trình bảo lãnh tiền tạm ứng theo Mẫu số 16 Phần 4 hoặc mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. Đối với việc sản xuất các cấu kiện, bán thành phẩm có giá trị lớn, một số vật liệu phải dự trữ theo mùa thì trong hợp đồng phải nêu rõ về kế hoạch tạm ứng và mức tạm ứng để bảo đảm tiến độ thực hiện hợp đồng].</i></p>

E-ĐKC 14.3	Định kỳ:_____ [<i>căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này</i>]
E-ĐKC 14.4	<p>Phương thức thanh toán:_____ [<i>căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này. Việc thanh toán cho Nhà thầu có thể quy định thanh toán bằng chuyển khoản, số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán có thể quy định thanh toán ngay hoặc trong vòng không quá một số ngày nhất định kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật.</i></p> <p><i>Ví dụ về chứng từ thanh toán bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Yêu cầu thanh toán (bản gốc); - 01 Hóa đơn: trong hóa đơn nêu rõ số lượng dịch vụ kỹ thuật đã thống nhất với Chủ đầu tư (là số lượng đã đặt hàng trừ đi số lượng không được thanh toán theo quy định tại Mục 14.2 E-ĐKC); - Phiếu đóng gói; - 01 Giấy chứng nhận xuất xứ (bản gốc); - 01 Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng (bản sao); - 01 Biên bản giao nhận hàng hóa (bản sao); - ...].
E-ĐKC 18.3	Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng:_____ [<i>ghi yêu cầu cụ thể về cách thức đóng gói, ghi chú trên bao bì và các giấy tờ cần thiết</i>].
E-ĐKC 19	Nội dung bảo hiểm:_____ [<i>ghi quy định cụ thể về bảo hiểm, bao gồm phạm vi bảo hiểm, loại đồng tiền và số tiền bảo hiểm</i>].
E-ĐKC 20.1	Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: [<i>Chủ đầu tư hoặc ghi “Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo</i>

	<p>quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng”; hoặc đưa ra các điều khoản thương mại khác mà hai bên đã thống nhất (trong đó có quy định trách nhiệm tương ứng của Chủ đầu tư và Nhà thầu)].</p>
E-ĐKC 20.2	Các dịch vụ bao gồm: _____ [mô tả cụ thể các dịch vụ].
E-ĐKC 21.1	<p>Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: ____ [căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà quy định cụ thể việc kiểm tra, thử nghiệm của Nhà thầu trên cơ sở phù hợp với yêu cầu quy định tại Chương V. Việc kiểm tra, thử nghiệm có thể quy định theo từng giai đoạn như: trước khi giao hàng, khi hàng đến... Trong các quy định về kiểm tra, thử nghiệm cần nêu được các nội dung cơ bản như: thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm... cũng như quy định về cách thức xử lý đối với các hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm].</p>
E-ĐKC 21.2	Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: ____ [ghi địa điểm].
E-ĐKC 22	<p>Đánh giá kết quả (chất lượng) thực hiện hợp đồng: ____ [ghi "Áp dụng" hoặc "Không áp dụng"].</p> <p>Trường hợp áp dụng thì quy định như sau:</p> <p>Chủ đầu tư công khai kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo các tiêu chí sau: _____ [ghi tiêu chí. Ví dụ về tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng được miêu tả tại Phụ lục của Mẫu E-HSMT ngoài các tiêu chí nêu tại Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP].</p> <p>Việc đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng nhằm xác định sự tuân thủ của Nhà thầu đối với các cam kết trong hợp đồng, làm cơ sở cho việc áp dụng tùy chọn mua thêm (nếu có).</p>
E-ĐKC 23	<p>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</p> <p>- Chỉ áp dụng phạt vi phạm hợp đồng.</p>

	<p>- Chỉ áp dụng bồi thường thiệt hại.</p> <p>- Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.</p> <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng:___ [ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”].</p> <p><i>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</i></p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 27 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ đi kèm theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : _____%/tuần (hoặc ngày, tháng...) [ghi cụ thể mức khấu trừ là bao nhiêu % giá trị phần hàng hóa giao chậm hoặc phần dịch vụ đi kèm hoàn thành chậm] cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến _____% [ghi mức phạt tối đa]. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 30 E-ĐKC.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại:___ [ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”].</p> <p><i>Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế; - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường... phù hợp với pháp luật dân sự.
E-ĐKC 24.3	<p>Thời hạn bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng là:_____ ngày [ghi số ngày].</p> <p>Địa điểm để áp dụng bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng là:___ [ghi tên một hoặc một số địa điểm].</p>

E-ĐKC 24.5 E-ĐKC 24.6	Thời hạn sửa chữa, thay thế là: _____ ngày <i>[ghi số ngày]</i> .
E-ĐKC 28.6 (d)	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu _____% <i>[nêu tỷ lệ thanh toán, thường không quá 50%]</i> giá trị giảm giá hợp đồng.

Phần 3B. THỎA THUẬN KHUNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA THỎA THUẬN KHUNG

1. Định nghĩa	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.2. “Thỏa thuận khung” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu để tham gia thực hiện dịch vụ đi kèm;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ đi kèm. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Hàng hóa” gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại;</p>
----------------------	---

	<p>1.9. “Dịch vụ đi kèm” bao gồm các dịch vụ như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ đi kèm khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...;</p> <p>1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ đi kèm theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.11. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>2. Tài liệu thỏa thuận khung và thứ tự ưu tiên</p>	<p>2.1. Tất cả các tài liệu quy định tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Thỏa thuận khung để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Thỏa thuận khung được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thỏa thuận khung, kèm theo các phụ lục; b) E-ĐKCT đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện thỏa thuận khung (nếu có); c) Biên bản hoàn thiện thỏa thuận khung; d) E-ĐKC; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; e) Thư chấp thuận E-HSDT; g) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT của Nhà thầu; h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.
<p>3. Luật và ngôn ngữ</p>	<p>Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p>4. Thông báo</p>	<p>4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại E-ĐKCT. Thuật ngữ “bằng văn bản”</p>

	<p>có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin.</p> <p>4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
<p>5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:</p> <p>a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi hoặc nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Chủ đầu tư đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu;</p> <p>b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.</p>
<p>6. Ký hợp đồng thầu phụ</p>	<p>6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ để thực hiện dịch vụ đi kèm nêu trong E-HSĐT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của</p>

	<p>Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của Nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của Nhà thầu.</p> <p>6.2. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ.</p>
<p>7. Giải quyết tranh chấp</p>	<p>7.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>7.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>8. Phạm vi cung cấp</p>	<p>Hàng hóa và dịch vụ đi kèm phải được cung cấp theo quy định tại Chương V.</p>
<p>9. Tiến độ lắp đặt thiết bị, giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ đi kèm và tài liệu chứng từ</p>	<p>Tiến độ lắp đặt thiết bị, giao hàng và lịch hoàn thành các dịch vụ đi kèm phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 01.1 (đối với hợp đồng theo đơn giá cố định) hoặc Mẫu số 01.2 (đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh) hoặc Mẫu số 01.3 (đối với hợp đồng hỗn hợp) Chương IV. Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn, chứng từ tài liệu khác theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>10. Trách nhiệm của Nhà thầu</p>	<p>Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và dịch vụ đi kèm trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 8 E-ĐKC và theo tiến độ lắp đặt thiết bị, giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ đi kèm quy định tại Mục 9 E-ĐKC.</p>

11. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	<p>11.1. Loại hợp đồng: theo quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>11.2. Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện dịch vụ kỹ thuật bao gồm chi phí về mượn thiết bị y tế, chi phí hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư cần thiết đi kèm; dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, thay thế linh kiện; lắp đặt, đào tạo, hướng dẫn sử dụng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư cần thiết đi kèm phục vụ công tác thử nghiệm chất lượng dịch vụ kỹ thuật và hiệu chỉnh thiết bị; thiết bị dự phòng (nếu có); hóa chất, vật tư xét nghiệm mẫu và các chi phí liên quan khác để thực hiện gói thầu theo phạm vi cung cấp nêu tại Chương IV.</p>
12. Thuế, phí, lệ phí	<p>12.1. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho Chủ đầu tư.</p> <p>12.2. Trường hợp Nhà thầu thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, Chủ đầu tư tạo điều kiện tối đa cho Nhà thầu áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí.</p> <p>12.3. Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
13. Tạm ứng	<p>13.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại E-ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>13.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư.</p>

14. Thanh toán	<p>14.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn nêu rõ số lượng dịch vụ kỹ thuật được Chủ đầu tư thống nhất theo quy định tại Mục 14.3 E-ĐKC cùng với chứng từ nộp theo quy định tại Mục 9 E-ĐKC và gửi yêu cầu thanh toán khi đã hoàn thành các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng.</p> <p>14.2. Nhà thầu không được thanh toán đối với những dịch vụ kỹ thuật phải làm lại do lỗi của thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư cần thiết đi kèm, dịch vụ đi kèm để thực hiện dịch vụ kỹ thuật mà không phải do lỗi của nhân công vận hành của Chủ đầu tư, không phải lỗi của Chủ đầu tư và phải chịu mọi chi phí đối với những dịch vụ phải làm lại này.</p> <p>14.3. Định kỳ theo quy định tại E-ĐKCT, Nhà thầu gửi yêu cầu thanh toán trên cơ sở số lượng dịch vụ kỹ thuật được Chủ đầu tư thống nhất. Chủ đầu tư thống nhất số lượng dịch vụ kỹ thuật sẽ thanh toán cho Nhà thầu căn cứ số lượng dịch vụ kỹ thuật mà Chủ đầu tư đã đặt hàng cho Nhà thầu trừ đi số lượng dịch vụ kỹ thuật không được thanh toán nêu tại Mục 14.2 E-ĐKC.</p> <p>14.4. Phương thức thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>14.5. Đồng tiền thanh toán là VND.</p>
15. Quyền tác giả	<p>Quyền tác giả đối với tất cả các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ chứa đựng thông tin và dữ liệu mà Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư vẫn thuộc về Nhà thầu. Trường hợp các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ đó được cung cấp cho Chủ đầu tư một cách trực tiếp hoặc thông qua Nhà thầu bởi một bên thứ ba thì quyền tác giả đối với các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ thuộc về bên thứ ba đó.</p>

16. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến thỏa thuận khung

16.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.

16.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.

16.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 16.1 và Mục 16.2 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:

- a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;
- b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;
- c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;
- d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.

	<p>16.4. Các quy định tại Mục 16 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ.</p> <p>16.5. Các quy định tại Mục 16 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
17. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	<p>Hàng hóa và các dịch vụ đi kèm được cung cấp theo hợp đồng sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn quy định tại Chương V; nếu tại Chương V không quy định đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.</p>
18. Đóng gói hàng hóa	<p>18.1. Nhà thầu phải đóng gói hóa chất, vật tư xét nghiệm và các vật tư cần thiết đi kèm theo đơn vị đóng gói tương ứng với số lượng dịch vụ kỹ thuật nêu tại Mẫu số 01.1 (đối với hợp đồng theo đơn giá cố định) hoặc Mẫu số 01.2 (đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh) hoặc Mẫu số 01.3 (đối với hợp đồng hỗn hợp) Chương IV.</p> <p>18.2. Thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm và các vật tư cần thiết đi kèm phải được đóng gói, bảo quản đúng yêu cầu nhằm tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm dự án theo quy định trong hợp đồng. Trong quá trình vận chuyển, bao gói hàng hóa phải đủ chắc chắn để chịu được những va chạm mạnh, nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, trong nước mặn, nước mưa và ở ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm dự án.</p> <p>18.3. Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể trong hợp đồng, bao gồm cả các yêu cầu (nếu có) quy định tại E-ĐKCT và các chỉ dẫn khác của Chủ đầu tư.</p>

19. Bảo hiểm	Trừ trường hợp có quy định khác tại E-ĐKCT , hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ cho các tổn thất, hư hại có thể xảy ra trong quá trình sản xuất hoặc tiếp nhận, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo quy định tại E-ĐKCT .
20. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	20.1. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác quy định tại E-ĐKCT . 20.2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp các dịch vụ theo quy định tại E-ĐKCT
21. Đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng	Việc đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng được thực hiện theo E-ĐKCT
22. Phạt và bồi thường thiệt hại	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT .
23. Bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng, xử lý sự cố	23.1. Nhà thầu bảo đảm cung cấp hàng hóa đảm bảo chất lượng theo đúng đề xuất đã nêu. 23.2. Nhà thầu bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Nhà thầu hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam. 23.3. Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng hàng hóa trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Yêu cầu về bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng đối với hàng hóa quy định tại E-ĐKCT . 23.4. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó. 23.5. Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa

	<p>hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn quy định tại E-ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế.</p> <p>23.6. Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa, thay thế hàng hóa bị khiếm khuyết trong thời hạn quy định tại E-ĐKCT và không có giải pháp thay thế được Chủ đầu tư chấp nhận, Chủ đầu tư có thể tự thực hiện các dịch vụ kỹ thuật từ cơ sở xét nghiệm khác đảm bảo chất lượng (nếu cần thiết) và Nhà thầu phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan đến việc xét nghiệm bên ngoài này, tính từ thời điểm đến hạn Nhà thầu phải thực hiện sửa chữa, thay thế hàng hóa bị khiếm khuyết đến thời điểm hoàn thành việc sửa chữa, thay thế hàng hóa bị khiếm khuyết. Việc Chủ đầu tư thuê cơ sở xét nghiệm thực hiện các dịch vụ kỹ thuật không ảnh hưởng đến các quyền khác của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu theo hợp đồng. Trường hợp Nhà thầu không tiến hành sửa chữa, thay thế thiết bị y tế mượn hoặc không chấp thuận thanh toán đối với dịch vụ kỹ thuật được xét nghiệm từ cơ sở khác thì Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng do lỗi của Nhà thầu.</p>
24. Bồi thường vi phạm sáng chế	<p>24.1. Với điều kiện là Chủ đầu tư tuân thủ Mục 24.2 E-ĐKC, Nhà thầu có nghĩa vụ bồi thường, bảo đảm Chủ đầu tư và nhân sự của Chủ đầu tư không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó liên quan tới:</p> <p>a) Việc lắp đặt hàng hóa do Nhà thầu thực hiện hoặc việc sử dụng hàng hóa tại Việt Nam;</p>

b) Việc bán các sản phẩm được sản xuất từ hàng hóa.

Việc bồi thường nêu trên không áp dụng đối với các trường hợp sau: sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa ngoài mục đích nêu trong hợp đồng hoặc phát sinh hợp lý từ hợp đồng; có hành vi vi phạm do sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa, hay bất kỳ sản phẩm nào được sản xuất từ hàng hóa có sự kết hợp các thiết bị, nhà xưởng hoặc vật tư khác không phải do Nhà thầu cung cấp theo hợp đồng.

24.2. Trường hợp xảy ra kiện tụng hoặc khiếu nại đối với Chủ đầu tư liên quan tới các vấn đề quy định tại Mục 24.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho Nhà thầu. Nhà thầu có thể nhân danh Chủ đầu tư giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó hoặc thương thảo để giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó và chịu trách nhiệm đối với các chi phí liên quan.

24.3. Trong vòng 28 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, trường hợp Nhà thầu không thông báo cho Chủ đầu tư về ý định giải quyết kiện tụng hay khiếu nại đó, Chủ đầu tư sẽ tự giải quyết.

24.4. Trường hợp được yêu cầu, Chủ đầu tư hỗ trợ Nhà thầu giải quyết vụ kiện tụng hay khiếu nại đó và sẽ được Nhà thầu hoàn trả mọi chi phí hợp lý phát sinh.

24.5. Chủ đầu tư có nghĩa vụ bồi thường, đảm bảo Nhà thầu, nhà thầu phụ, nhân sự của Nhà thầu không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ thiết kế, dữ

	<p>liệu, bản vẽ, thông số kỹ thuật hoặc các tài liệu và hồ sơ nào được cung cấp hoặc thiết kế bởi Chủ đầu tư hoặc thay mặt Chủ đầu tư.</p>
25. Thay đổi liên quan đến pháp lý	<p>Trừ trường hợp có quy định khác tại hợp đồng, kể từ 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu trở về sau, nếu có bất kỳ chính sách nào được ban hành, thay thế, sửa đổi hoặc tuyên bố hết hiệu lực tại Việt Nam gây ảnh hưởng đến ngày giao hàng và/hoặc giá hợp đồng thì ngày giao hàng hoặc giá hợp đồng phải được điều chỉnh tương ứng với mức độ ảnh hưởng của Nhà thầu khi thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng. Phần tăng hoặc giảm giá hợp đồng không được thanh toán riêng hay ghi nhận khoản phải trả riêng nếu việc tăng hoặc giảm giá hợp đồng này đã được quy định tại hợp đồng.</p>
26. Bất khả kháng	<p>26.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>26.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>26.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất</p>

	<p>khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>26.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>26.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p>
<p>27. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng</p>	<p>27.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở Nhà thầu hoặc nhà thầu phụ trong việc cung cấp hàng hóa và lịch thực hiện các dịch vụ đi kèm quy định tại Mục 9 E-ĐKC, Nhà thầu phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư về việc chậm tiến độ, nguyên nhân, khoảng thời gian chậm tiến độ. Trên cơ sở thông báo của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải nhanh chóng đánh giá tình hình và có thể xem xét gia hạn hợp đồng. Trường hợp Chủ đầu tư đồng ý gia hạn, các bên tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>27.2. Trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Mục 26 E-ĐKC, Nhà thầu giao hàng chậm hoặc hoàn thành dịch vụ đi kèm chậm có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 22 E-ĐKC.</p>

28. Chấm dứt thỏa thuận khung	<p>28.1. Chấm dứt thỏa thuận khung do sai phạm</p> <p>a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ thỏa thuận khung mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm thỏa thuận khung khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong thỏa thuận khung trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Nhà thầu không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng ký với các đơn vị có nhu cầu mua sắm, hoặc trong thời gian gia hạn theo quy định tại Mục 27 E-ĐKC;</p> <p>(ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo thỏa thuận khung, hợp đồng;</p> <p>(iii) Chủ đầu tư xác định Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện thỏa thuận khung, hợp đồng;</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt một phần hoặc toàn bộ thỏa thuận khung theo điểm a khoản này, Chủ đầu tư có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ đi kèm tương tự như các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư các chi phí phạt phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần thỏa thuận khung không bị chấm dứt.</p> <p>28.2. Chấm dứt thỏa thuận khung do mất khả năng thanh toán</p> <p>Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt thỏa thuận khung vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, thỏa thuận khung sẽ chấm dứt và</p>
--------------------------------------	---

	Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt thỏa thuận khung không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.
29. Hạn chế xuất khẩu	Trường hợp quốc gia, vùng lãnh thổ cung cấp hàng hóa, dịch vụ có các quy định thương mại dẫn tới việc hạn chế xuất khẩu, gây khó khăn cho Nhà thầu trong việc thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng, Nhà thầu không bắt buộc phải hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, thực hiện dịch vụ với điều kiện là Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư các tài liệu chứng minh việc đã hoàn thành tất cả các thủ tục xuất khẩu cần thiết, bao gồm cả xin giấy phép hoặc ủy quyền để xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu.

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA THỎA THUẬN KHUNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư:___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Chủ đầu tư và đại diện ủy quyền (nếu có)].
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu:___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 1.11	Địa điểm dự án:___ [ghi tên và thông tin chi tiết về địa điểm].
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của thỏa thuận khung:___ [liệt kê tài liệu].
E-ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: - Người nhận:___ [ghi tên đầy đủ của người nhận, nếu có]. - Địa chỉ:___ [ghi đầy đủ địa chỉ].

	<p>- Điện thoại: ___ [ghi số điện thoại, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố].</p> <p>- Fax: ___ [ghi số fax, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố].</p> <p>- Địa chỉ email: ___ [ghi địa chỉ email (nếu có)].</p>
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: ___% giá hợp đồng [ghi giá trị cụ thể căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, từ 2% đến 10% giá hợp đồng].
E-ĐKC 7.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: ___ [ghi số ngày tiến hành hòa giải tối đa].</p> <p>Giải quyết tranh chấp: ___ [ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp (tòa án, trọng tài), chi phí cho việc giải quyết tranh chấp...].</p>
E-ĐKC 9	<p>Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ, tài liệu sau đây: ___ [ghi tên các tài liệu, chứng từ cần có, ví dụ: hóa đơn giá trị gia tăng, chứng từ vận tải, giấy chứng nhận bảo hành của Nhà thầu hoặc nhà sản xuất, chứng nhận kiểm định của cơ quan kiểm định, danh mục hàng hóa đóng gói, giấy chứng nhận xuất xứ, giấy chứng nhận chất lượng... trong đó nêu rõ các chứng từ chỉ cần cung cấp một lần trong quá trình thực hiện hợp đồng cho tất cả các đợt giao hàng (ví dụ giấy chứng nhận bảo hành...)].</p> <p>Chủ đầu tư phải nhận được các hóa đơn và chứng từ, tài liệu nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định hoặc tại thời điểm bàn giao hàng hóa, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.</p>
E-ĐKC 11.1	Loại hợp đồng: ___ [ghi loại hợp đồng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt].
E-ĐKC 11.2	Giá hợp đồng: ___ [ghi “Cố định” đối với hợp đồng theo đơn giá cố định hoặc “được trượt giá” đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh phù hợp với loại hợp đồng quy định tại Mục 11.1 E-ĐKCT].

Trường hợp hợp đồng có quy định về trượt giá thì trượt giá hợp đồng được thực hiện bằng cách điều chỉnh đơn giá hoặc tính trượt giá của hợp đồng như sau:

- Việc điều chỉnh đơn giá được thực hiện từ thời điểm phát sinh yếu tố làm thay đổi giá và chỉ áp dụng đối với khối lượng được thực hiện theo đúng tiến độ ghi trong hợp đồng hoặc tiến độ được điều chỉnh theo quy định tại Mục 27 E-ĐKC. Không điều chỉnh đơn giá cho các khối lượng công việc trong hợp đồng tương ứng với số tiền đã tạm ứng hợp đồng;

- Giá hợp đồng sẽ được tính trượt giá trong thời gian thực hiện gói thầu nhằm phản ánh những thay đổi về chi phí nhân công và vật tư. Việc tính trượt giá sẽ được thực hiện theo công thức cụ thể _____ [nêu rõ công thức tính trượt giá].

[Ví dụ về công thức tính trượt giá:

$$P_1 = P_0[a + \frac{bL_1}{L_0} + \frac{cM_1}{M_0}] - P_0$$

$$a + b + c = 1$$

Trong đó:

P_1 = Giá phải trả cho Nhà thầu sau khi tính trượt giá

P_0 = Giá hợp đồng (giá cơ bản)

a = Yếu tố cố định thể hiện lợi nhuận và phí quản lý chung được gộp vào trong giá hợp đồng, thông thường trong khoảng từ 5% đến 15%.

b = Ước tính tỷ lệ của chi phí lao động (nhân công) trong giá hợp đồng

c = Ước tính tỷ lệ của chi phí vật tư trong giá hợp đồng

L_0, L_1 = Lần lượt là chỉ số giá nhân công áp dụng cho ngành sản xuất hàng hóa tại nước xuất xứ của hàng hóa vào ngày cơ bản và ngày trượt giá

	<p>M_0, M_1 = Lần lượt là chỉ số giá vật tư vào ngày cơ bản và ngày trượt giá tại nước xuất xứ của hàng hóa</p> <p>Trong E-HSDT, Nhà thầu phải ghi rõ nguồn trích dẫn các chỉ số đó, nguồn thông tin tỷ giá (nếu phù hợp) và giá trị các chỉ số vào ngày cơ bản.</p> <p>Các hệ số a, b, và c sẽ do Chủ đầu tư xác định như sau:</p> <p>$a = [\text{ghi giá trị hệ số}]$</p> <p>$b = [\text{ghi giá trị hệ số}]$</p> <p>$c = [\text{ghi giá trị hệ số}]$</p> <p>Ngày cơ bản = 28 ngày trước thời điểm đóng thầu.</p> <p>Ngày trượt giá = $[\text{ghi số tuần}]$ tuần trước ngày giao hàng lên tàu (thường tương ứng với thời điểm khi quá trình sản xuất đã hoàn thành một nửa).</p> <p>Điều kiện thực hiện trượt giá:</p> <p>(i) Không được phép tính trượt giá ngoài thời hạn giao hàng gốc. Thông thường, trượt giá không được áp dụng cho khoảng thời gian chậm trễ mà Nhà thầu phải chịu toàn bộ trách nhiệm.</p> <p>(ii) Nếu đồng tiền thể hiện giá hợp đồng P_0 không phải là đồng tiền ghi chỉ số giá nhân công và vật tư thì sẽ áp dụng một hệ số quy đổi để tránh sai sót khi tính trượt giá hợp đồng. Hệ số quy đổi được tính như sau:</p> $Z = Z_0/Z_1$ <p>Trong đó:</p> <p>Z_0 = Số đơn vị đồng tiền ghi các chỉ số đó tương đương một đồng tiền thể hiện giá hợp đồng P_0 vào ngày cơ bản;</p> <p>Z_1 = Số đơn vị đồng tiền ghi các chỉ số đó tương đương một đồng tiền thể hiện giá hợp đồng P_0 vào ngày trượt giá.</p> <p>(iii) Số tiền tương ứng với khoản thanh toán tạm ứng cho Nhà thầu sẽ không được tính trượt giá].</p>
E-ĐKC 12.3	<p>Điều chỉnh thuế: ___ [ghi “Được phép” hoặc “Không được phép”. Trường hợp được phép áp dụng điều chỉnh thuế thì ghi: “Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm</p>

	<p>thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”].</p>
E-ĐKC 13.1	<p>Tạm ứng:_____ [ghi số tiền tạm ứng, các chứng từ để tạm ứng, phương thức tạm ứng... phù hợp quy định của pháp luật. Nhà thầu xuất trình bảo lãnh tiền tạm ứng theo Mẫu số 16 Phần 4 hoặc mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. Đối với việc sản xuất các cấu kiện, bán thành phẩm có giá trị lớn, một số vật liệu phải dự trữ theo mùa thì trong hợp đồng phải nêu rõ về kế hoạch tạm ứng và mức tạm ứng để bảo đảm tiến độ thực hiện hợp đồng].</p>
E-ĐKC 14.3	<p>Định kỳ:_____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này]</p>
E-ĐKC 14.4	<p>Phương thức thanh toán:___ [căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này. Việc thanh toán cho Nhà thầu có thể quy định thanh toán bằng chuyển khoản, số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán có thể quy định thanh toán ngay hoặc trong vòng không quá một số ngày nhất định kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>Ví dụ về chứng từ thanh toán bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Yêu cầu thanh toán (bản gốc); - 01 Hóa đơn: trong hóa đơn nêu rõ số lượng dịch vụ kỹ thuật đã thống nhất với Chủ đầu tư (là số lượng đã đặt hàng trừ đi số lượng không được thanh toán theo quy định tại Mục 14.2 E-ĐKC); - Phiếu đóng gói;

	<ul style="list-style-type: none"> - 01 Giấy chứng nhận xuất xứ (bản gốc); - 01 Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng (bản sao); - 01 Biên bản giao nhận hàng hóa (bản sao); - ...].
E-ĐKC 18.3	Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng:_____ [ghi yêu cầu cụ thể về cách thức đóng gói, ghi chú trên bao bì và các giấy tờ cần thiết].
E-ĐKC 19	Nội dung bảo hiểm:_____ [ghi quy định cụ thể về bảo hiểm, bao gồm phạm vi bảo hiểm, loại đồng tiền và số tiền bảo hiểm].
E-ĐKC 20.1	Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: [Chủ đầu tư hoặc ghi “Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng”; hoặc đưa ra các điều khoản thương mại khác mà hai bên đã thống nhất (trong đó có quy định trách nhiệm tương ứng của Chủ đầu tư và Nhà thầu)].
E-ĐKC 20.2	Các dịch vụ bao gồm:_____ [mô tả cụ thể các dịch vụ].
E-ĐKC 21	<p>Đánh giá kết quả (chất lượng) thực hiện hợp đồng:_____ [ghi "Áp dụng" hoặc "Không áp dụng"].</p> <p><i>Trường hợp áp dụng thì quy định như sau:</i></p> <p>Chủ đầu tư công khai kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo các tiêu chí sau:_____ [ghi tiêu chí. Ví dụ về tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng được miêu tả tại Phụ lục của Mẫu E-HSMT ngoài các tiêu chí nêu tại Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP].</p> <p>Việc đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng nhằm xác định sự tuân thủ của Nhà thầu đối với các cam kết trong hợp đồng, làm cơ sở cho việc áp dụng tùy chọn mua thêm (nếu có).</p>

E-ĐKC 22	<p><i>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Chỉ áp dụng phạt vi phạm hợp đồng.</i> - <i>Chỉ áp dụng bồi thường thiệt hại.</i> - <i>Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.</i> <p>1. <i>Phạt vi phạm hợp đồng:___ [ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”].</i></p> <p><i>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</i></p> <p><i>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ đi kèm theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với:___%/tuần (hoặc ngày, tháng...) [ghi cụ thể mức khấu trừ là bao nhiêu % giá trị phần hàng hóa giao chậm hoặc phần dịch vụ đi kèm hoàn thành chậm] cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến___ % [ghi mức phạt tối đa]. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt thỏa thuận khung theo quy định tại Mục 28 E-ĐKC.</i></p> <p>2. <i>Bồi thường thiệt hại:___ [ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”].</i></p> <p><i>Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</i> - <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường... phù hợp với pháp luật dân sự.</i>
E-ĐKC 23.3	<p><i>Thời hạn bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng là:___ ngày [ghi số ngày].</i></p> <p><i>Địa điểm để áp dụng bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng là:___ [ghi tên một hoặc một số địa điểm].</i></p>
E-ĐKC 23.5 E-ĐKC 23.6	<p><i>Thời hạn sửa chữa, thay thế là:___ ngày [ghi số ngày].</i></p>

Chương VIII. THỎA THUẬN KHUNG ĐIỆN TỬ¹

Số:.....

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ...

Căn cứ E-HSMT, E-HSDT và kết quả lựa chọn nhà thầu....

Hôm nay, ngày tháng năm __[Hệ thống tự động trích xuất], chúng tôi gồm có:

I. Đơn vị mua sắm tập trung:

Tên Đơn vị mua sắm tập trung: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: ____; [Chủ đầu tư điện thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

II. Nhà thầu:

1. Tên nhà thầu: _____ [Đơn vị mua sắm tập trung điện thông tin]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

¹ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận khung theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện thỏa thuận khung có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

2. Tên nhà thầu: _____ [*Đơn vị mua sắm tập trung điện thông tin*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

....

Hai bên thống nhất ký kết thỏa thuận khung mua sắm tập trung với các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi cung cấp: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất và đơn vị mua sắm tập trung được chỉnh sửa*]

2. Danh mục, số lượng thiết bị y tế mượn (*ký, mã hiệu, xuất xứ của thiết bị y tế mượn theo biểu phạm vi cung cấp*).

Điều 2. Danh sách các đơn vị có nhu cầu mua sắm ký hợp đồng với nhà thầu theo thỏa thuận khung này: _____ [*Đơn vị mua sắm tập trung điện thông tin*].

Điều 3. Giá trị thỏa thuận khung:

1. Giá trị thỏa thuận khung: _____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*].

2. Đơn giá tương ứng với từng loại dịch vụ kỹ thuật tại Điều 1 của Hợp đồng: _____ [*Hệ thống trích xuất và cho phép Đơn vị mua sắm tập trung chỉnh sửa*].

Điều 4. Phương thức thanh toán

Phương thức thanh toán: _____ [*Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 14.2 E-ĐKCT của thỏa thuận khung và cho phép Đơn vị mua sắm tập trung chỉnh sửa*].

Điều 5. Thời hạn có hiệu lực của thỏa thuận khung: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

Thỏa thuận khung này được làm thành..... bản có giá trị pháp lý như nhau; Đơn vị mua sắm tập trung, Nhà thầu (mỗi bên giữ 02 bản); đơn vị có nhu cầu mua sắm (mỗi bên 01 bản).

Thỏa thuận khung này là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu mua sắm ký hợp đồng với nhà thầu./.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NHÀ THẦU**
[xác nhận, chữ ký số]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ
MUA SẮM TẬP TRUNG**
[xác nhận, chữ ký số]

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 13**THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾**

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*], Bên mời thầu _____ [*ghi tên Bên mời thầu*] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu ____ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*]. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu] với giá hợp đồng là ____ [*ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Phần 4 của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày__tháng__năm__⁽³⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

Mẫu số 14**HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾**

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [*Chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]Gói thầu: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]Thuộc dự án: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*];

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với Nhà thầu:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)Tên Chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____ [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà thầu: _____ [Chủ đầu tư kê khai]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp thiết bị y tế mượn, hóa chất, vật tư xét nghiệm và các vật tư cần thiết đi kèm, dịch vụ đi kèm để thực hiện dịch vụ kỹ thuật với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các thiết bị y tế mượn, hóa chất, vật tư xét nghiệm và các vật tư cần thiết đi kèm, dịch vụ đi kèm để thực hiện dịch vụ kỹ thuật được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. E-ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

6. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
7. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu;
8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các thiết bị y tế mượn, hóa chất, vật tư xét nghiệm và các vật tư cần thiết đi kèm, dịch vụ đi kèm để thực hiện dịch vụ kỹ thuật như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].*

a) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế;

- Dự phòng.

b) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế;

- Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí .

2. Phương thức thanh toán: ____ *[Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 14.2 E-ĐKCT].*

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: *[Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT]*.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, E-HSĐT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]*.

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NHÀ THẦU**
[xác nhận, chữ ký số]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ
ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
[xác nhận, chữ ký số]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng quy định tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

Mẫu số 15

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên Chủ đầu tư] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp thiết bị y tế mượn, hóa chất, vật tư xét nghiệm và các vật tư cần thiết đi kèm, dịch vụ đi kèm để thực hiện dịch vụ kỹ thuật cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); ⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

Mẫu số 16

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ÚNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)
[*ghi tên hợp đồng, số hợp đồng*]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [*ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày lắp đặt thiết bị, giao hàng, hoàn thành dịch vụ quy định trong hợp đồng. Nếu lắp đặt thiết bị, giao hàng, hoàn thành dịch vụ theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa, dịch vụ được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*ghi địa chỉ của Nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

[- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu;

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*ghi tên Nhà thầu*]. ____ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[ghi tên, chức danh, ký tên
và đóng dấu (nếu có)]*

Người ủy quyền

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
Nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của Nhà thầu để thay mặt cho người đại diện

theo pháp luật của Nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của Nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

PHỤ LỤC
VÍ DỤ VỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG
ĐỐI VỚI GÓI THẦU MƯỢN THIẾT BỊ Y TẾ

Chủ đầu tư đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng của Nhà thầu dựa trên các nội dung sau: Chất lượng hàng hóa; Xử lý sự cố và bảo trì, bảo dưỡng; Hóa đơn, chứng từ thanh toán; Khả năng cung cấp hàng hóa theo yêu cầu; Thông báo về các vấn đề phát sinh; Giải quyết phản ánh của Chủ đầu tư.

Việc đánh giá được thực hiện theo thang điểm dưới đây:

- Xuất sắc - 4
- Rất tốt - 3
- Đạt yêu cầu - 2
- Chấp nhận được - 1
- Không đạt yêu cầu < 1

Việc đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng là cơ sở để Chủ đầu tư quyết định có nên áp dụng tùy chọn mua thêm đối với Nhà thầu.

TT	Tiêu chí đánh giá	Yêu cầu đối với Nhà thầu	Nguồn thông tin kiểm chứng
1	Chất lượng hàng hóa		
1.1	Số lần phải thực hiện lại dịch vụ kỹ thuật do lỗi của thiết bị, hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư đi kèm	Số lần phải thực hiện lại dịch vụ kỹ thuật do lỗi của thiết bị, hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư đi kèm không quá 2 lần/tháng. Đánh giá xếp loại chi tiết: - Xuất sắc: Không phải thực hiện lại dịch vụ kỹ thuật - Rất tốt: Có 01 lần phải thực hiện lại dịch vụ kỹ thuật	- Lịch sử khắc phục sự cố - Lịch sử thực hiện dịch vụ kỹ thuật

TT	Tiêu chí đánh giá	Yêu cầu đối với Nhà thầu	Nguồn thông tin kiểm chứng
		<ul style="list-style-type: none"> - Đạt yêu cầu: Có 02 lần phải thực hiện lại dịch vụ kỹ thuật - Chấp nhận được: Có 03 lần phải thực hiện lại dịch vụ kỹ thuật - Không đạt yêu cầu: Có trên 03 lần phải thực hiện lại dịch vụ kỹ thuật 	
1.2	Hiệu suất hoạt động của thiết bị	<p>Thiết bị hoạt động hiệu quả hơn 90% thiết bị tương tự được khảo sát trên thị trường trên cơ sở đánh giá tần suất sửa chữa, thời gian ngừng hoạt động, số lượng dịch vụ kỹ thuật không đảm bảo chất lượng do lỗi thiết bị, hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư đi kèm.</p> <p>Đánh giá xếp loại chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất sắc: 100% - Rất tốt: 95 - 99% - Đạt yêu cầu: 90 - 94% - Chấp nhận được: 85 - 89% - Không đạt yêu cầu: dưới 85% 	Dữ liệu khảo sát thị trường
1.3	Mức độ hoạt động bình thường và ổn định của thiết bị y tế	<p>Thời gian hoạt động bình thường và ổn định hàng năm của thiết bị y tế đạt 90% tổng thời gian hoạt động của thiết bị y tế.</p> <p>Đánh giá xếp loại chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất sắc: 100% - Rất tốt: 95 - 99% - Đạt yêu cầu: 90 - 94% - Chấp nhận được: 85 - 89% - Không đạt yêu cầu: dưới 85% 	<ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử khắc phục sự cố - Lịch sử thực hiện dịch vụ kỹ thuật - Lịch sử gửi báo cáo lỗi về máy chủ

TT	Tiêu chí đánh giá	Yêu cầu đối với Nhà thầu	Nguồn thông tin kiểm chứng
2	Xử lý sự cố và bảo trì, bảo dưỡng		
2.1	Nhân sự của Nhà thầu có mặt kịp thời để xử lý sự cố	Số lần nhân sự của Nhà thầu có mặt trong vòng 24 giờ kể từ khi Chủ đầu tư yêu cầu xử lý sự cố đạt 90% tổng số lần Chủ đầu tư yêu cầu. Đánh giá xếp loại chi tiết: - Xuất sắc: 100% - Rất tốt: 95 - 99% - Đạt yêu cầu: 90 - 94% - Chấp nhận được: 85 - 89% - Không đạt yêu cầu: dưới 85%	- Lịch sử khắc phục sự cố - Lịch sử thực hiện dịch vụ
2.2	Nhà thầu chủ động thực hiện bảo trì, bảo dưỡng thiết bị	Số lần Nhà thầu chủ động thực hiện bảo trì, bảo dưỡng đạt 95% tổng số lần bảo trì, bảo dưỡng. Đánh giá xếp loại chi tiết: - Xuất sắc: 100% - Rất tốt: 98 - 99% - Đạt yêu cầu: 95 - 97% - Chấp nhận được: 85 - 94% - Không đạt yêu cầu: dưới 85%	- Lịch sử bảo trì, bảo dưỡng - Lịch sử khắc phục sự cố
2.3	Nhà thầu xử lý sự cố qua điện thoại	Số lần sự cố được giải quyết trong vòng 3 cuộc điện thoại hỗ trợ hoặc được nhân sự của Nhà thầu xử lý trực tiếp đạt 95% tổng số sự cố. Đánh giá xếp loại chi tiết: - Xuất sắc: 100% - Rất tốt: 98 - 99% - Đạt yêu cầu: 95 - 97% - Chấp nhận được: 85 - 94% - Không đạt yêu cầu: dưới 85%	- Lịch sử khắc phục sự cố - Lịch sử cuộc gọi - Lịch sử nhân sự của Nhà thầu có mặt xử lý sự cố trực tiếp

TT	Tiêu chí đánh giá	Yêu cầu đối với Nhà thầu	Nguồn thông tin kiểm chứng
3	Hóa đơn, chứng từ thanh toán		
3.1	Nhà thầu gửi hóa đơn đúng hạn cho Chủ đầu tư	Tất cả hóa đơn được Nhà thầu lập và gửi đúng hạn cho Chủ đầu tư.	Hóa đơn, chứng từ thanh toán
3.2	Thông tin trên hóa đơn	<p>85% tổng số hóa đơn cung cấp đầy đủ thông tin để thanh toán.</p> <p>Đánh giá xếp loại chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất sắc: 95 - 100% - Rất tốt: 90 - 94% - Đạt yêu cầu: 85 - 89% - Chấp nhận được: 80 - 84% - Không đạt yêu cầu: dưới 80% 	Hóa đơn, chứng từ thanh toán
4	Khả năng cung cấp hóa chất, vật tư theo yêu cầu		
	Tính sẵn sàng của hóa chất, vật tư để giao theo từng đơn hàng	<p>Tối đa 5% tổng số đơn hàng không có sẵn hàng để giao theo yêu cầu mà phải đợi Nhà thầu đặt hàng.</p> <p>Đánh giá xếp loại chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất sắc: 0% - Rất tốt: 1 - 2% - Đạt yêu cầu: 3 - 4% - Chấp nhận được: 5% - Không đạt yêu cầu: trên 5% 	<ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử đặt hàng - Hóa đơn, chứng từ thanh toán - Lịch sử trao đổi giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu

TT	Tiêu chí đánh giá	Yêu cầu đối với Nhà thầu	Nguồn thông tin kiểm chứng
5	Thông báo về các vấn đề phát sinh		
5.1	Thông báo, cập nhật về các đơn hàng chưa sẵn sàng để giao	<p>90% trường hợp đơn hàng chưa có sẵn hàng để giao được thông báo, cập nhật kịp thời thời gian cụ thể sẽ giao hàng.</p> <p>Đánh giá xếp loại chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất sắc: 100% - Rất tốt: 95 - 99% - Đạt yêu cầu: 90 - 94% - Chấp nhận được: 85 - 89% - Không đạt yêu cầu: dưới 85% 	<ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử đặt hàng - Lịch sử gửi hóa đơn - Tài liệu trao đổi giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu
5.2	Thông báo thay đổi về thiết bị, hóa chất, vật tư	Nhà thầu chủ động thông báo cho Chủ đầu tư trong mọi trường hợp có thay đổi về thiết bị, hóa chất, vật tư.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo chung của Nhà thầu về chất lượng hàng hóa, dịch vụ - Thông báo của Nhà thầu cho Chủ đầu tư - Tài liệu trao đổi giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu
5.3	Thông báo thu hồi hóa chất, vật tư của Nhà thầu	Tất cả thông báo thu hồi hóa chất, vật tư được gửi cho Chủ đầu tư trong vòng 10 ngày kể từ ngày Nhà thầu quyết định thu hồi.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo chung của Nhà thầu về chất lượng hàng hóa, dịch vụ - Thông báo của Nhà thầu cho Chủ đầu tư - Tài liệu trao đổi giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu

TT	Tiêu chí đánh giá	Yêu cầu đối với Nhà thầu	Nguồn thông tin kiểm chứng
6	Giải quyết phản ánh của Chủ đầu tư		
6.1	Số lượng phản ánh của Chủ đầu tư được giải quyết	Nhà thầu giải quyết tất cả phản ánh của Chủ đầu tư.	<ul style="list-style-type: none"> - Dữ liệu đặt hàng - Hóa đơn, chứng từ - Tài liệu trao đổi giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu - Lịch sử khắc phục sự cố - Lịch sử thông báo sự cố
6.2	Thời gian giải quyết phản ánh của Chủ đầu tư	<p>90% phản ánh của Chủ đầu tư được Nhà thầu tiếp nhận và đề xuất biện pháp xử lý trong vòng 24 giờ kể từ khi có phản ánh hoặc trong thời hạn do hai bên thỏa thuận trước đó.</p> <p>Đánh giá xếp loại chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất sắc: 100% - Rất tốt: 95 - 99% - Đạt yêu cầu: 90 - 94% - Chấp nhận được: 85 - 89% - Không đạt yêu cầu: dưới 85% 	<ul style="list-style-type: none"> - Dữ liệu đặt hàng - Hóa đơn, chứng từ - Tài liệu trao đổi giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu - Lịch sử khắc phục sự cố - Lịch sử thông báo sự cố

(Xem tiếp Công báo số 1471 + 1472)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng